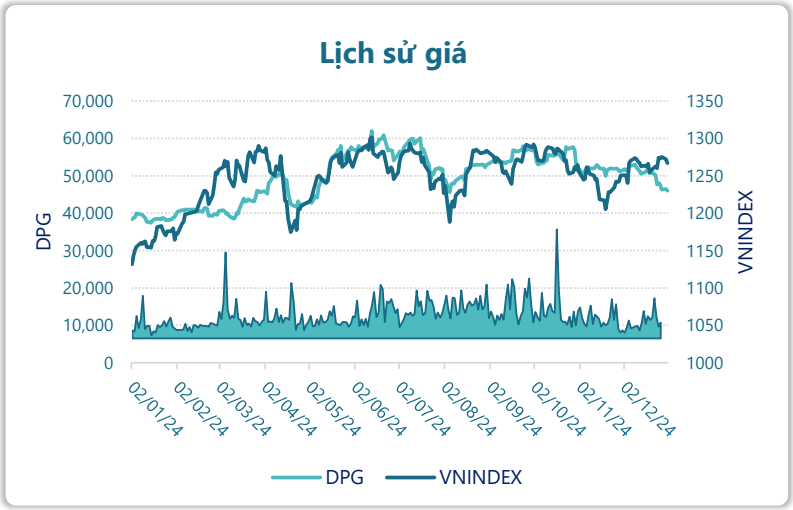
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**46,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	62,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	37,449
SL cổ phiếu LH	62,999,554
KLGD BQ 20 phiên (CP)	575,375
% sở hữu nước ngoài	6.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,898
P/E	13.0
EPS	3,534

DT thuần

Q4/24

1,446

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 701| 94.2%

YoY: ▲ 23.0| 1.6%

LN sau thuế

Q4/24

130

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 108| 486%

YoY: ▲ 9.00| 7.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

12.7%

+/- YoY: ▼ 1.7%

DT thuần

2024

3,577

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 127| 3.7%

LN sau thuế

2024

303

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.0| 7.0%

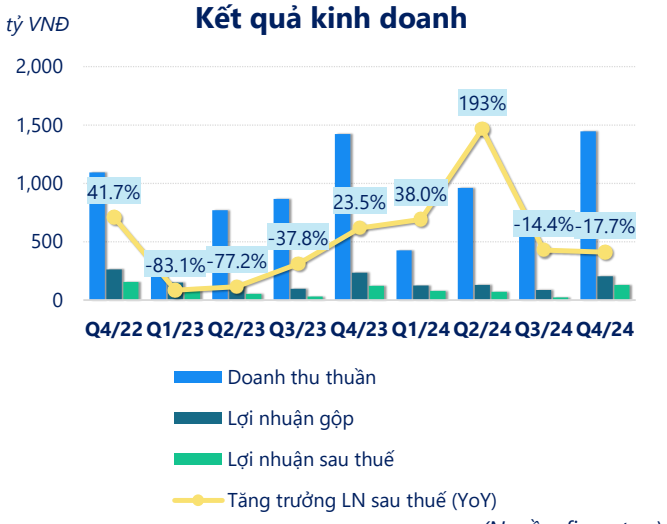
ROE

2024

9.0%

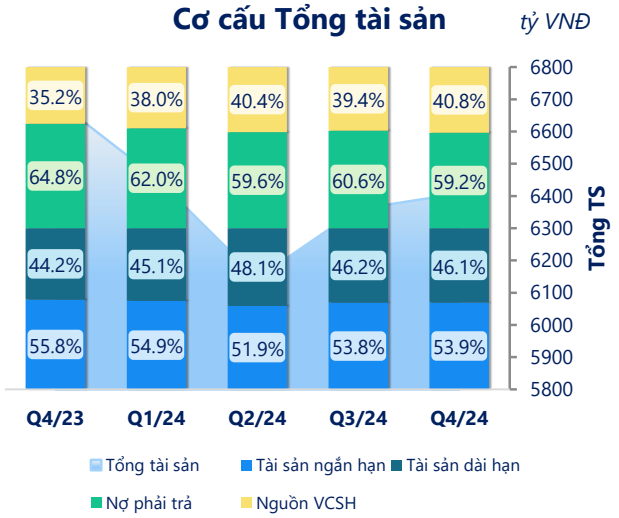
+/- YoY: ▲ 0.1%

Kết quả kinh doanh



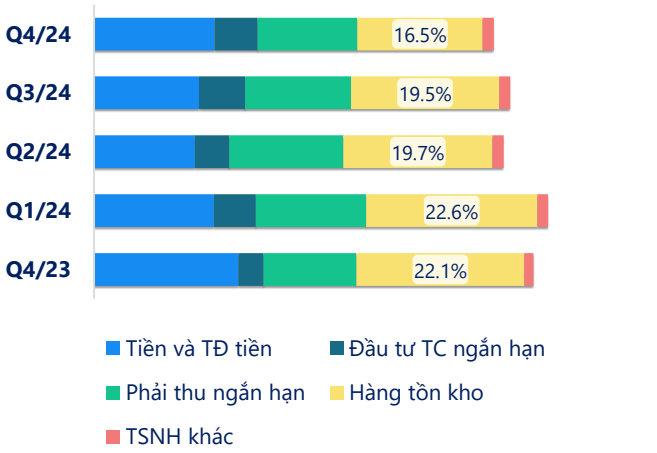
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



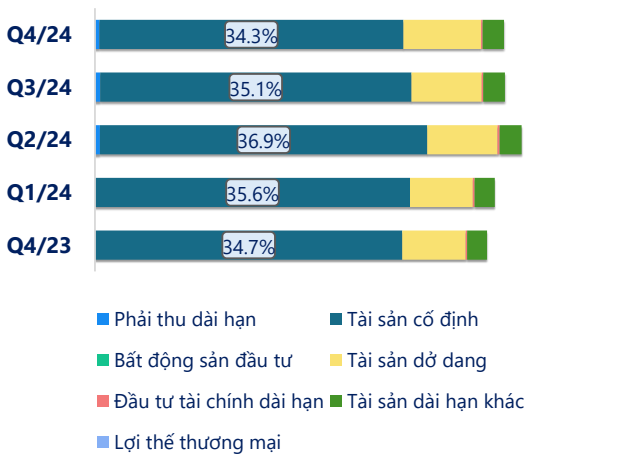
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



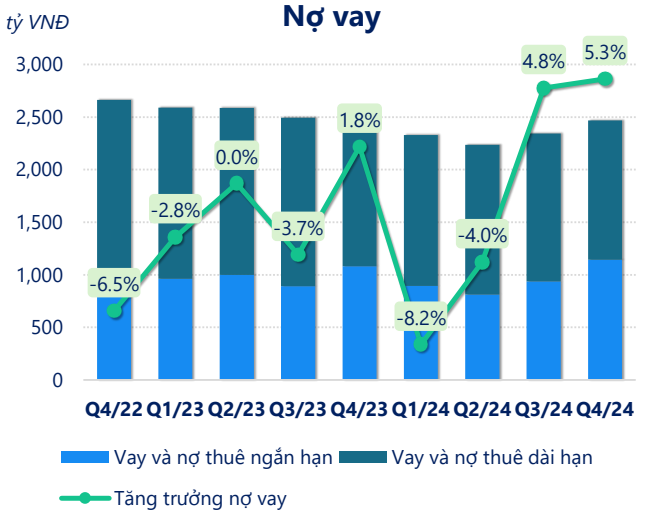
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



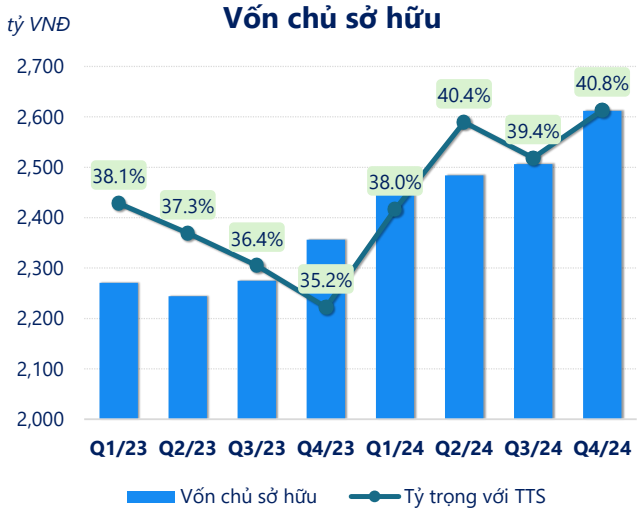
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



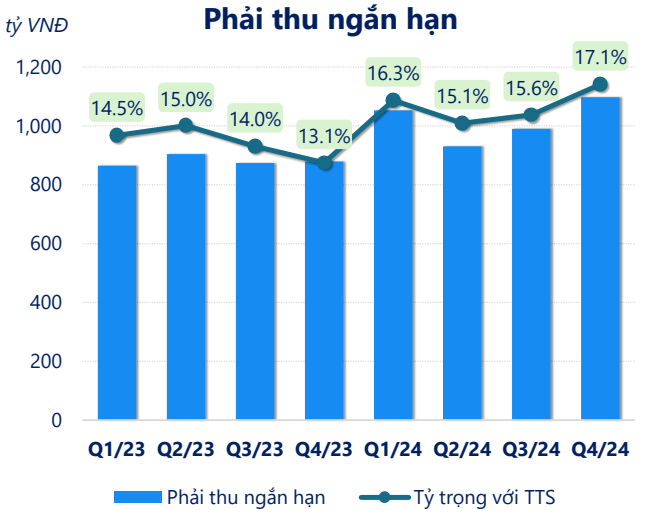
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



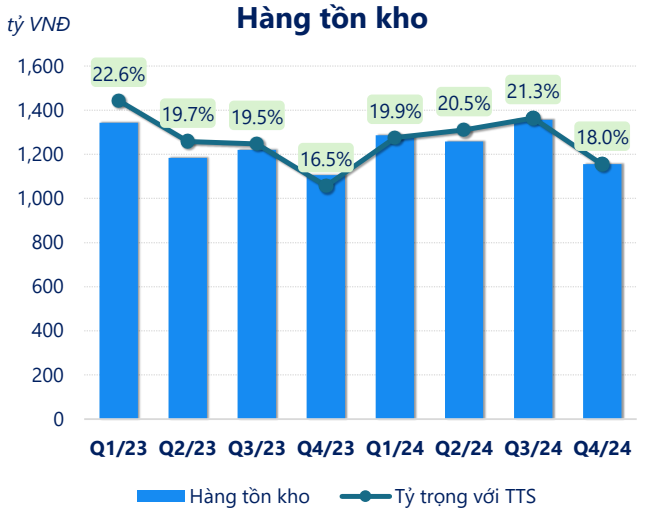
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



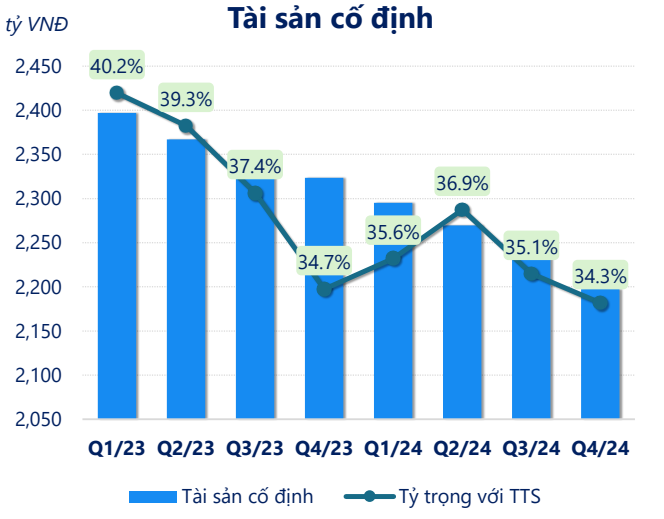
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



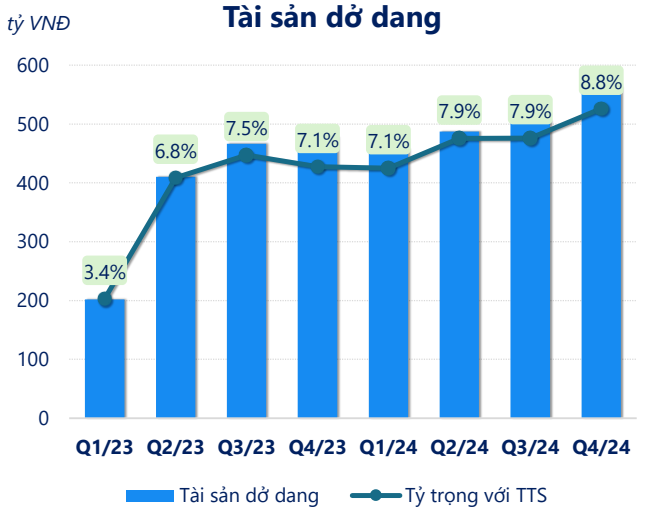
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



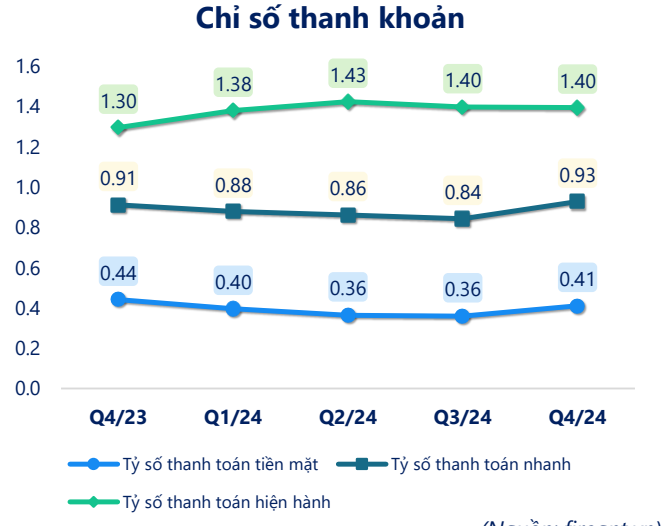
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



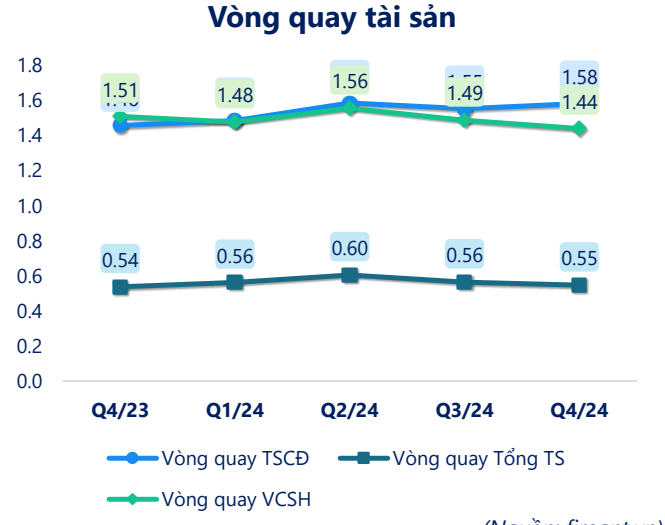
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**6,698**	**6,456**	**6,145**	**6,359**	**6,408**
Tài sản ngắn hạn	**3,735**	**3,544**	**3,187**	**3,418**	**3,451**
Tiền và tương đương tiền	1,272	1,018	814	879	1,017
Đầu tư tài chính ngắn hạn	380	76.0	71.7	70.6	69.5
Phải thu ngắn hạn	879	1,053	931	990	1,097
Hàng tồn kho	1,106	1,287	1,258	1,356	1,155
Tài sản ngắn hạn khác	98.3	111	113	123	113
Tài sản dài hạn	**2,964**	**2,912**	**2,958**	**2,941**	**2,957**
Phải thu dài hạn	0	0	35.0	37.0	32.0
Tài sản cố định	2,324	2,295	2,270	2,233	2,197
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	477	457	487	505	562
Đầu tư tài chính dài hạn	13.0	13.0	13.0	11.0	11.0
Tài sản dài hạn khác	150	146	153	154	155
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**4,342**	**4,006**	**3,661**	**3,853**	**3,796**
Nợ ngắn hạn	**2,881**	**2,567**	**2,236**	**2,445**	**2,472**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,080	893	813	937	1,144
Phải trả người bán ngắn hạn	382	209	285	358	415
Nợ dài hạn	1,461	1,439	1,425	1,408	1,325
Vay và nợ thuê dài hạn	1,459	1,437	1,423	1,407	1,324
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,356**	**2,450**	**2,484**	**2,506**	**2,612**
Vốn chủ sở hữu	**2,356**	**2,450**	**2,484**	**2,506**	**2,612**
Vốn điều lệ	630	630	630	630	630
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)